TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2024
Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Bà Phạm Hồng Gái.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa****:* Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 258/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về: "Tranh chấp ly hônvà nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Tình N,** sinh năm: 2005. Địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Công T**, sinh năm: 2001. Địa chỉ: Tổ 6, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Tình N trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Tình N và anh Lê Công T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2021. Sau đó anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/8/2023.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau này, vợ chồng thường xảy ra bất hoà, do bất đồng quan điểm sống. Đầu năm 2023

mâu thuẫn trầm trọng hơn nên chị N và anh T đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nữa nên chị Trần Tình N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Công T.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị N và anh T có 01 người con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 11/6/2022. Hiện con chung do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, do đó khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị N xác định quá trình chung sống nhau giữa chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại bản tự khai đề ngày 03/7/2024 bị đơn anh Lê Công T trình bày như sau:

Anh Lê Công T thống nhất với lời trình bày của chị Trần Tình N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do không còn tình cảm với nhau nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, anh có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh T đồng ý ly hôn với chị Trần Tình N.

- *Về con chung*: Anh T đồng ý giao con chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 11/6/2022 cho chị Trần Tình N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

- *Về tài sản và nợ chung:* Trong quá trình chung sống anh và chị N khôn có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chj Trần Tình N yêu cầu được ly hôn với anh Lê Công T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Lê Công T có nơi cư trú tại ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Tình N và bị đơn anh Lê Công T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Tình N và anh Lê Công T đều xác nhận anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 17/8/2023. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh T thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị N và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo anh chị trình bày là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi, hiện anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian chị N và anh T sống ly thân với nhau, thì giữa anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên để hai bên đoàn tụ gia đình, nhưng chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Đồng thời, anh T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N. Như vậy căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Tình N và anh Lê Công T.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị N và anh T xác nhận anh chị có một con người chung tên Lê Hoàng A, sinh ngày 11/6/2022. Hiện nay cháu Lê Hoàng A đang sống cùng chị N, ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Hoàng Anh đến khi con đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi chị N và anh T sống ly thân cho đến nay chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh, cháu vẫn phát triển bình thường, hơn thế nữa, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Tình N và anh Lê Công T giao cháu Lê Hoàng A cho chị Trần Tình N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Tình N không yêu cầu anh Lê Công T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị N và anh T xác định giữa anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] *Về nợ chung:* Chị N và anh T xác định giữa anh chị không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Trần Tình N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Tình N và anh Lê Công T.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T. Giao cháu Lê Hoàng A, sinh ngày 11/6/2022 cho chị Trần Tình N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hoàng Anh đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Tình N không yêu cầu anh Lê Công T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Trần Tình N nuôi con, anh Lê Công T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Tình N và anh Lê Công T xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Tình N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng),* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001075 ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Tình N không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Nam Thái Sơn, H. Hòn Đất;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Quốc Chiến